

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng đường từ TL.286 đi phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án “Đầu tư xây dựng đường từ TL.286 đi phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh (sau đây gọi là chủ Dự án) thực hiện tại Thành phố Bắc Ninh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; UBND thành phố Bắc Ninh; Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận: *[Signature]*

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TTHCC tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Đào Quang Khải

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG TỪ TL.286 ĐI PHƯỜNG KHÚC XUYÊN, THÀNH PHỐ BẮC NINH”

(Kèm theo Quyết định số: 538 /QĐ - UBND ngày 08 tháng 12 năm 2022
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng đường từ TL.286 đi phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh.
- Địa điểm thực hiện: Thành phố Bắc Ninh.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

Đầu tư xây dựng mới đường từ TL.286 đi phường Khúc Xuyên với tổng chiều dài tuyến khoảng 958,51m được chia làm 2 đoạn, cụ thể như sau:

+ Đoạn 1 từ TL.286 đến giao với đường Đồng Chương có chiều dài khoảng 753,53m; với lòng đường rộng 7,5m, hè đường giáp kênh tiêu rộng 1,5m, hè đường bên trái đầu nối với ranh giới các dự án liền kề và khu dân cư hiện hữu.

+ Đoạn 2 từ TL.286 đến khu nhà ở Palado dài khoảng 207,98m; với lòng đường rộng 7,5m, hè đường giáp kênh tiêu rộng 1,5m, hè đường bên phải rộng 3m.

+ Cứng hóa 2 bên bờ kênh tiêu XT1 (từ TL.286 đến giao với đường Đồng Chương).

+ Xây dựng đồng bộ các hạng mục gồm các nội dung công việc: Đường giao thông, vỉa hè, cây xanh; an toàn giao thông; hệ thống thoát nước, công hộp dọc kênh; tường kè; công cấp kỹ thuật; điện chiếu.

1.3. Quy trình hoạt động của dự án:

Bồi thường giải phóng mặt bằng → Xây dựng hoàn thiện dự án → Đưa dự án đi vào hoạt động.

- Giai đoạn thi công:

+ Hoạt động chuẩn bị: Đền bù, GPMB trên diện tích 17.640 m².

+ Hoạt động thi công: Xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng như: Vận chuyển nguyên vật liệu; đào đắp, thi công nền đường và làm mặt đường; Thi công đường, hệ thống thoát nước,...

- Giai đoạn vận hành:

Hoạt động của phương tiện giao thông trên tuyến đường.

1.4. Các hạng mục công trình của dự án:

Tổng chiều dài tuyến lập dự án khoảng 958,51m, chia làm 2 đoạn.

- Đoạn 1: Từ TL.286 đến giao với đường Đồng Chương.

- + Chiều dài khoảng 753,53m;
- + Lòng đường rộng 7,5m;
- + Hè đường giáp kênh tiêu rộng 1,5m.
- Đoạn 2: Từ TL.286 đến khu nhà ở Palado dài khoảng 207,98m
- + Chiều dài khoảng 207,98m;
- + Lòng đường rộng 7,5m;
- + Hè đường giáp kênh tiêu rộng 1,5m;
- + Hè đường bên phải rộng 3m.
- Hệ thống thoát nước.
- Vĩa hè, cây xanh.
- Hệ thống điện chiếu sáng.
- Hệ thống kỹ thuật và hệ thống an toàn giao thông theo quy định.
- Hệ thống thu gom thoát nước mưa.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có chuyển đổi mục đích trồng lúa 2 vụ, thuộc dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại điểm c khoản 1 điều 28 Luật bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Giai đoạn thi công:

+ Tác động của nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường. Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động xây dựng và vệ sinh máy móc trên công trường thi công.

+ Tác động của bụi, khí thải: Phát sinh từ các hoạt động san lấp mặt bằng, từ hoạt động của phương tiện vận tải thực hiện vận chuyển nguyên liệu xây dựng ra vào công trường, hoạt động của máy móc, phương tiện thi công xây dựng.

+ Tác động của chất thải rắn, chất thải nguy hại: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường và hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế phương tiện, máy móc trên công trường.

+ Tác động của tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ hoạt động của phương tiện thi công trên công trường, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Giai đoạn vận hành:

+ Bụi, khí thải: Phát sinh từ các hoạt động của phương tiện lưu thông trên tuyến đường.

+ Tác động của tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ các hoạt động của phương tiện lưu thông trên tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các công nhân lao động phục vụ Dự án với lưu lượng khoảng 2,3 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

+ Nước thải xây dựng: Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, vệ sinh thiết bị, nước thải làm mát thiết bị với lưu lượng khoảng 1,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, váng dầu mỡ.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải không phát sinh.

3.2. Bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật, phá dỡ nhà cửa, các công trình hạ tầng, nổ mìn phá đá, đào đắp, vận chuyển nguyên nhiên vật liệu, đổ thải, khoan cọc nhồi, hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công các hạng mục công trình của Dự án,... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO_x, SO₂, VOC_s,...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh do lưu lượng lưu thông của các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường với khoảng 2.300 lượt xe/ ngày.

3.3. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

3.3.1. Chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động phục vụ Dự án với khối lượng khoảng 25 kg/ngày/công trường thi công. Thành phần chủ yếu gồm: Bao bì, giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

+ Chất thải rắn xây dựng:

+ Phát sinh từ hoạt động đào đắp trong phạm vi giải phóng mặt bằng với khối lượng khoảng 720 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Thành phần chủ yếu gồm: Bùn hữu cơ, đất thải,...

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

3.3.2. Chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công: Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu,... của máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển. Thành phần chủ yếu gồm: Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, vải tách dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, ắc quy, pin,...

- Giai đoạn hoạt động: Không phát sinh.

3.4. Tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công: Phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công (máy đào, máy xúc, xe trộn bê tông, xe lu, xe ủi, máy nghiền...),...



- Giai đoạn vận hành: Phát sinh trong quá trình hoạt động của khoảng 2.300 phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường hàng ngày.

3.5. Các tác động khác:

- Theo báo cáo, Dự án tác động đến khoảng 27 hộ dân, trong đó; tác động đến sinh kế của các hộ dân do bị chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 259,1 m² đất trồng lúa hai vụ.

- Tai nạn lao động, sự cố cháy nổ.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động có cấu tạo gồm 03 buồng với có thể tích bồn nước: 1.050 lít và bồn phân: 1.200 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng: Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn. Tần suất kiểm tra và nạo vét được quy định tùy theo tiến độ và mức độ thi công.

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh nước thải.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Tiến hành thi công dứt điểm từng công đoạn, từng hạng mục công trình; thực hiện tốt công tác quản lý xây dựng và giám sát thi công trên công trường.

+ Các khu vực nền đất đào đắp xong tới đâu được lu lèn bảo đảm độ cứng theo thiết kế ngay tới đó để tránh phát sinh bụi.

+ Che chắn những khu vực phát sinh bụi và thường xuyên tưới nước đường giao thông nội bộ, các khu vực bị xáo trộn trong quá trình xây dựng dự án, định kỳ: 01 lần trước giờ thi công sáng; 01 lần trước giờ thi công chiều.

+ Không tập trung các thiết bị thi công cơ giới hoạt động cùng một lúc, tại một vị trí để hạn chế lượng khí thải phát tán gây ô nhiễm cục bộ. Sử dụng máy móc thi công đã được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên.

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công:

+ Đối với chất thải rắn phát sinh trong quá trình phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng được phân loại để xử lý, cụ thể: Các loại chất thải rắn có thể tái sử dụng được bán cho cơ sở tận thu; các chất thải không thể tái sử dụng được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định bởi các đơn vị có chức năng thông qua hợp đồng kinh tế.

+ Đối với chất thải xây dựng: Bố trí bãi chứa tạm gần khu vực thi công để thu gom chất thải xây dựng và chuyển giao hoặc vận chuyển về bãi đổ thải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng rác để thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công: Thu gom và lưu chứa toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh theo quy định và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.4. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công:

Công trình, biện pháp kiểm soát mức ồn từ hoạt động thi công và vận chuyển nguyên vật liệu:

+ Các thiết bị và máy móc thi công đạt kiểm định chất lượng theo yêu cầu.

+ Hạn chế thi công và vận chuyển phế thải qua khu dân cư và các đường liên thôn, đường liên xã vào ban đêm.

+ Lắp dựng hàng rào trong trường hợp bao quanh vị trí thi công đoạn qua



các khu vực nhạy cảm với tiếng ồn (trường học, khu dân cư).

+ Trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân, có mũ chụp tai hoặc nút chống ồn bằng chất dẻo.

- Biện pháp kiểm soát mức rung từ hoạt động thi công: Sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; ghi nhận hiện trạng công trình trước khi thi công; đền bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến công trình.

- Giai đoạn vận hành:

+ Giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện giao thông đi lại trên tuyến đường bằng biện pháp trồng cây xanh quanh, phân làn giao thông, biển báo, bố trí dải phân cách.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

Theo Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ./.